

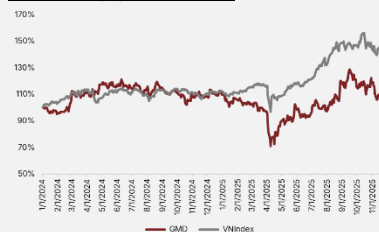
Công ty Cổ phần Gemadept (GMD: HOSE)

Ngày báo cáo: 18/11/2025
 Ngành: VẬN TẢI
 TPPT: Nguyễn Hoàng Giang, CFA
 Email: giangnh@ssi.com.vn

Khuyến nghị: **KHẢ QUAN**
 Giá mục tiêu 1Y: **75.000 VNĐ**
 Giá CP ngày 17/11/2025: 63.600 VNĐ
 % Tăng giá: **+17,9%**

Giá trị vốn hoá (triệu USD): 1.030
 Giá trị vốn hoá (tỷ đồng): 27.125
 Số cổ phiếu lưu hành (triệu): 426
 KLGD TB 3 tháng (triệu cp): 3,1
 Giá cao/thấp nhất 52T (VNĐ): 74/40,8
 GTGD TB 3 tháng (tỷ đồng): 210,3
 Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%): 43
 Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%): 0

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

Vào thời điểm thành lập, Gemadept là một công ty nhà nước trực thuộc Vinalines, GMD trở thành một trong ba công ty đầu tiên được cổ phần hóa vào năm 1993. Các hoạt động kinh doanh chính bao gồm cảng, vận tải và logistics, bắt đầu sản và công ty đã mở rộng thêm trồng cao su từ năm 2011. Sau khi bán Gemadept Tower trong năm 2014 và thoái vốn một phần mảng logistics trong năm 2018, GMD tập trung vào mảng kinh doanh cốt lõi là vận hành cảng biển và mảng logistics có tỷ trọng nhỏ hơn. Năm 2021, GMD đưa vào vận hành Gemalink là cảng nước sâu lớn nhất khu vực Cái Mép – Thị Vải.

Mạnh mẽ sau thuế quan

- KQKD Q3/2025 nhìn chung phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi, đặc biệt ở các chỉ tiêu cốt lõi. Cụ thể, doanh thu đạt 1,56 nghìn tỷ đồng (+23,4% svck, +4,5% so với quý trước), trong khi LNTT cốt lõi (loại trừ chi phí trích lập cho mảng cao su) đạt 618 tỷ đồng (+7% svck). Kết quả tăng trưởng đến từ mức tăng mạnh về sản lượng tại mảng Cảng và mảng Logistics hưởng lợi từ giá cho thuê tàu cao hơn đối với đội tàu cho thuê.
- Cập nhật các dự án trọng điểm: NDV – Giai đoạn 3 đã đưa vào vận hành từ tháng 10/2025, Gemalink Giai đoạn 1A dự kiến khởi công từ Q1/2026, Gemalink Giai đoạn 2B dự kiến hoàn tất pháp lý trong năm 2026. Mảng cao su được kì vọng hoàn tất các thủ tục cuối cùng để thoái vốn trong Q1/2026.
- Tiếp tục khuyến nghị **KHẢ QUAN**, duy trì giá mục tiêu 1 năm là **75.000 đồng/cổ phiếu** (tiềm năng tăng giá khoảng 18%). Các yếu tố hỗ trợ chính cho cổ phiếu gồm: Diễn biến tích cực trong đàm phán thương mại Việt-Mỹ; Khởi công Gemalink Giai đoạn 2A; Hoàn tất thoái vốn mảng cao su; Thông tin đầu thầu các dự án cảng mới (Cái Mép Hạ, Nam Đồ Sơn).

Tóm tắt chỉ tiêu tài chính

Tỷ đồng	2022	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu thuần	3.898	3.846	4.832	5.068	5.421
<i>Tăng trưởng doanh thu thuần</i>	<i>21,6%</i>	<i>-1,3%</i>	<i>25,7%</i>	<i>4,9%</i>	<i>7,0%</i>
Lợi nhuận gộp	1.718	1.778	2.162	2.327	2.333
<i>Biên lợi nhuận gộp</i>	<i>44,1%</i>	<i>46,2%</i>	<i>44,7%</i>	<i>45,9%</i>	<i>43,0%</i>
Thu nhập tài chính	24	1.941	418	165	233
Chi phí tài chính	-166	-155	-150	-170	-260
SG&A	-667	-661	-816	-856	-916
Thu nhập ròng khác	0	-30	-349	0	217
Lợi nhuận trước thuế	1.308	3.147	2.080	2.336	2.758
<i>Tăng trưởng LNTT</i>	<i>62,3%</i>	<i>140,5%</i>	<i>-33,9%</i>	<i>12,3%</i>	<i>18,1%</i>
Lợi nhuận ròng	1.161	2.534	1.905	2.140	2.527
<i>Tăng trưởng lợi nhuận ròng</i>	<i>61,2%</i>	<i>118,2%</i>	<i>-24,8%</i>	<i>12,3%</i>	<i>18,1%</i>
<i>Biên lợi nhuận ròng</i>	<i>29,8%</i>	<i>65,9%</i>	<i>39,4%</i>	<i>42,2%</i>	<i>46,6%</i>
EPS (VNĐ)	3.034	7.207	4.222	3.467	4.094

Nguồn: GMD, SSI ước tính

Chúng tôi đã tham dự buổi họp cập nhật KQKD Q3/2025 do GMD tổ chức gần đây và ghi nhận một số điểm chính như sau:

KQKD Q3/2025

Tỷ đồng	3Q25	3Q24	YoY	2Q25	QoQ	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận			
							3Q25	3Q24	2Q25	2024
Doanh thu thuần	1.560,5	1.264,1	23,4%	1.493,7	4,5%	87,5%				
LN gộp	666,2	581,3	14,6%	722	-7,7%		42,7%	46,0%	48,3%	44,7%
LN hoạt động	604,2	596,8	1,2%	765,4	-21,1%		38,7%	47,2%	51,2%	51,9%
EBIT	535,3	535	0,1%	699,9	-23,5%		34,3%	42,3%	46,9%	45,9%
EBITDA	633	634,9	-0,3%	797,5	-20,6%		40,6%	50,2%	53,4%	54,3%
LNTT	511,5	500,7	2,2%	677,5	-24,5%	88,6%	32,8%	39,6%	45,4%	43,0%
LN ròng	432,4	448,4	-3,6%	604,1	-28,4%		27,7%	35,5%	40,4%	39,4%
LN ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ	315,2	335	-5,9%	445,3	-29,2%		20,2%	26,5%	29,8%	30,2%

Nguồn: GMD, SSI Research

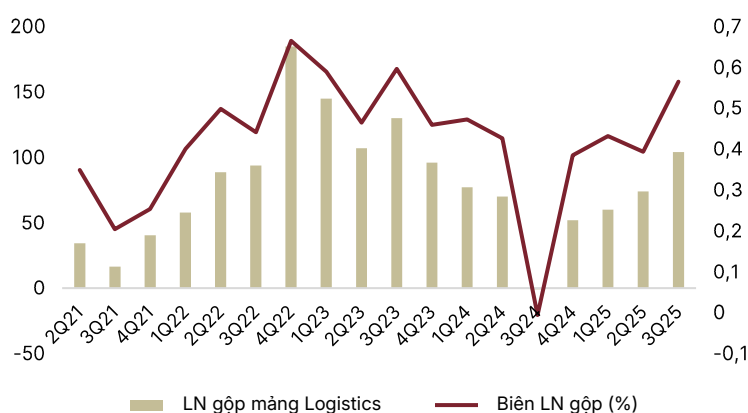
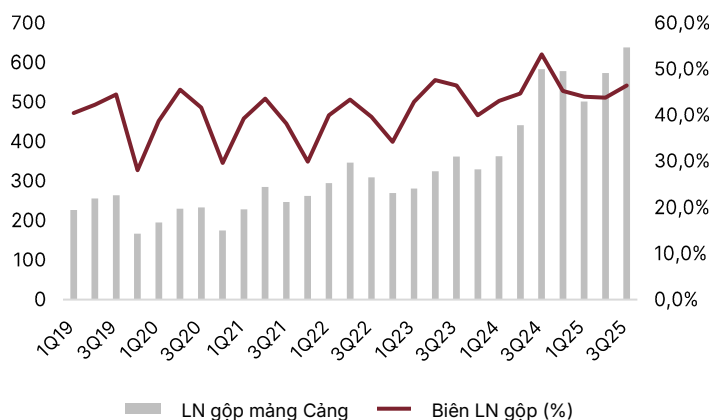
KQKD Q3/2025 của GMD nhìn chung phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi, đặc biệt ở các chỉ tiêu cốt lõi. Cụ thể, doanh thu đạt 1,56 nghìn tỷ đồng (+23,4% svck, +4,5% so với quý trước), trong khi LNTT cốt lõi (loại trừ chi phí trích lập cho mảng cao su) đạt 618 tỷ đồng (+7% svck). Lũy kế 9T2025, LNTT đạt 1,77 nghìn tỷ đồng (+2,5% svck; LNTT cốt lõi +39% svck nếu loại trừ khoản lợi nhuận bất thường 309 tỷ đồng từ thoái vốn cảng Nam Hải trong 2024), hoàn thành 89% kế hoạch năm và 76% dự báo của chúng tôi (2,3 nghìn tỷ đồng, +12,3% svck).

Một trong những động lực tăng trưởng doanh thu chính đến từ sản lượng măng Càng, cho thấy khả năng chống chịu tốt sau khi các mức thuế đối ứng có hiệu lực. Cụ thể, sản lượng Nam Đình Vũ đạt 400.000 TEU trong Q3/2025 (+17% svck) và gần 140.000 TEU trong tháng 10 (+2,1% svck). Sản lượng Gemalink đạt 510.000 TEU (+3% svck), và riêng tháng 10 đạt 180.000 TEU (+23% svck), mức cao kỷ lục. Nhờ vậy, măng Càng ghi nhận tăng trưởng doanh thu 25% svck và lợi nhuận gộp tăng 9% svck trong Q3/2025. Theo ban lãnh đạo, tốc độ tăng lợi nhuận gộp thấp hơn chủ yếu do khoản thưởng hiệu suất nửa đầu năm được chi trả trong Q3/2025 trong khi Q3/2024 không ghi nhận khoản này. Sản lượng tháng 10 tiếp tục cao hơn mức trung bình tháng của Q3/2025, giữ cho triển vọng Q4 tích cực.

Mảng Logistics cũng ghi nhận mức tăng trưởng lợi nhuận gộp mạnh (104 tỷ đồng so với mức lỗ 1 tỷ đồng trong Q3/2024). Điều này đến từ mức giá cho thuê tàu tăng cao, khi GMD có hai tàu đang cho thuê. Cụ thể, giá cho thuê tàu loại 1.100 TEU đã tăng từ 10.000 USD/ngày năm ngoái lên 16.000 USD/ngày trong năm nay.

Lợi nhuận gộp măng Càng theo quý (tỷ đồng)

Lợi nhuận gộp măng Logistics theo quý (tỷ đồng)



Nguồn: GMD, SSI Research

Mặc dù lợi nhuận gộp tăng 14,6% svck, mức tăng này bị hạn chế bởi chi phí quản lý & bán hàng (SG&A) tăng mạnh (+82% svck) và khoản chi phí khác 123 tỷ đồng, chủ yếu là trích lập dự phòng cho dự án cao su. Do đó, tăng trưởng LNTT chỉ đạt 2,2% svck, nhưng nếu loại trừ khoản dự phòng này, tăng trưởng LNTT sẽ đạt mức 7% svck.

Cập nhật các dự án chính

Hiện tại, GMD đang triển khai hai dự án mở rộng quan trọng: Nam Đình Vũ – Giai đoạn 3 tại miền Bắc và Gemalink Giai đoạn 2A & 2B tại miền Nam. Chúng tôi ghi nhận tiến độ tích cực tại tất cả các dự án so với lần cập nhật trước:

- Nam Đình Vũ Giai đoạn 3: Công ty đã hoàn tất xây dựng và đưa công suất mới vào vận hành từ tháng 10/2025. Với việc hoàn thiện giai đoạn này, toàn bộ dự án cảng (khởi công từ 2018) chính thức hoàn thành, đưa Nam Đình Vũ trở thành cảng biển nhỏ (feeder) số 1 tại khu vực phía Bắc (tổng công suất 1,8 triệu TEU). Chúng tôi kỳ vọng đây sẽ là động lực tăng trưởng chính của GMD trong giai đoạn 2026-2027. Theo ban lãnh đạo, công ty kỳ vọng mức khai thác công suất đạt 50% trong 2026, 80% trong 2027 và 100% từ 2028, phù hợp với giả định của chúng tôi.
- Gemalink Giai đoạn 2A: Công ty đang hoàn thiện hồ sơ để xin phê duyệt pháp lý và dự kiến khởi công trong Q1/2026, hoàn thành cuối năm 2027.
- Gemalink Giai đoạn 2B: Công ty kỳ vọng hoàn tất các thủ tục pháp lý trong Q1/2026 và sẽ bắt đầu xây dựng khi điều kiện thị trường thuận lợi.

Gemalink Giai đoạn 2A & 2B có tổng công suất thiết kế 1,5 triệu TEU (tương đương Giai đoạn 1), trong đó Giai đoạn 2A là 800.000 TEU. Thông thường, một dự án cảng mới đạt điểm hòa vốn tại mức khai thác khoảng 50–60% công suất, và mức này có thể đạt ngay trong năm vận hành đầu tiên.

Song song đó, GMD đang hoàn tất quá trình thoái vốn mảng cao su và có thể hoàn tất sớm nhất vào Q1/2026, phù hợp với giả định của chúng tôi.

Luận điểm đầu tư

Nhìn chung, chúng tôi đánh giá sản lượng thông qua cảng ổn định trong Q3/2025 và đặc biệt là tháng 10 là tín hiệu tích cực đối với GMD. Diễn biến này phần nào giúp giảm bớt lo ngại của nhà đầu tư về tác động tiêu cực từ thuế đối ứng của Mỹ, cho thấy triển vọng tăng trưởng dài hạn của doanh nghiệp vẫn vững chắc. Chúng tôi cũng ghi nhận những tiến triển tích cực tại các dự án trọng điểm, đặc biệt là Gemalink, tài sản quan trọng nhất của Gemadept, đóng vai trò cung cấp dư địa tăng trưởng dài hạn từ năm 2028 trở đi.

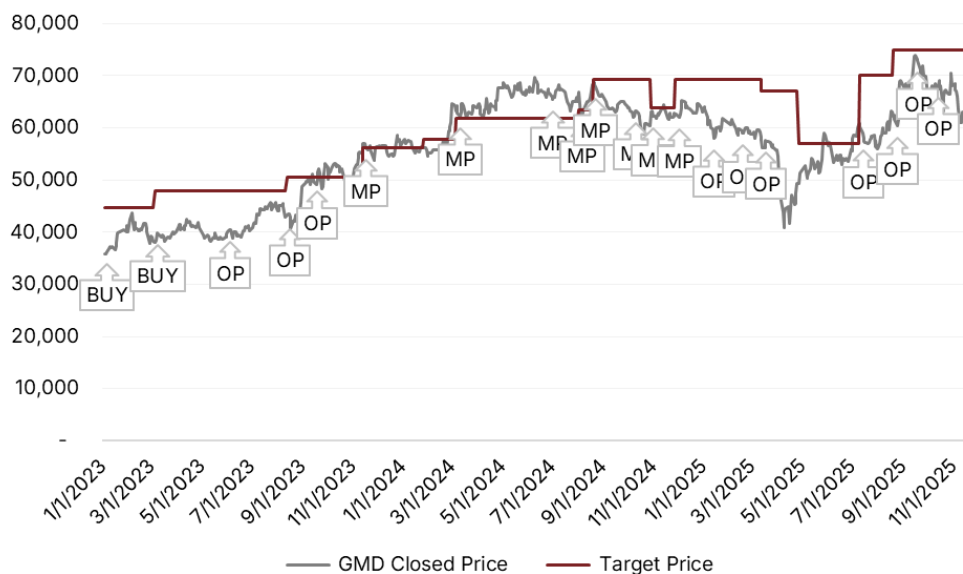
Vì KQKD nhìn chung phù hợp với kỳ vọng, chúng tôi giữ nguyên dự báo cho GMD như trong báo cáo gần nhất (tại [đây](#)). Cụ thể: Doanh thu năm 2025-2026 lần lượt ước đạt 5,1 nghìn tỷ đồng (+5% svck) và 5,4 nghìn tỷ đồng (+7% svck), dựa trên giả định tổng sản lượng qua cảng biển đạt 4,1 triệu TEU (+2% svck) trong năm 2025 và 4,5 triệu TEU (+11% svck) trong năm 2026. Trong năm 2026, Nam Đình Vũ giai đoạn 3 sẽ là động lực tăng trưởng sản lượng chính (+15% svck) nhờ công suất mới, trong khi tăng trưởng tại Gemalink có thể chậm lại (+10% svck) do mức nền cao của 2025 (tác động từ việc đặt hàng sớm). Lợi nhuận trước thuế năm 2025 dự báo đạt 2,34 nghìn tỷ đồng (+12,3% svck); năm 2026 đạt 2,76 nghìn tỷ đồng (+18% svck) nhờ giả định giá dịch vụ tại GEMALINK tăng và ghi nhận khoản lợi nhuận bất thường 200 tỷ đồng từ thoái vốn mảng cao su.

Tại mức giá hiện tại, GMD đang giao dịch ở P/E dự phóng năm 2025-2026 lần lượt 18,3x và 15,5x. P/E dự phóng năm 2026 ở mức 15,5x, tương đương trung vị của vùng định giá lịch sử 10x-20x của GMD. Chúng tôi duy trì quan điểm tích cực, giữ khuyến nghị **KHẢ QUAN**, với giá mục tiêu 1 năm là **75.000 đồng/cp** (tiềm năng tăng giá khoảng 18%).

Các yếu tố hỗ trợ cổ phiếu bao gồm:

- Tiến triển tích cực trong đàm phán thương mại Việt – Mỹ
- Gemalink giai đoạn 2A khởi công xây dựng
- Thoái vốn mảng cao su
- Thông tin về đấu thầu các dự án cảng mới (Cái Mép Hạ, Nam Đồ Sơn)

Rủi ro giảm đối với cổ phiếu: Thuế transshipment cao, dòng vốn FDI chậm lại.

Lịch sử khuyến nghị:

Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	1.472	3.964	5.608	6.373
+ Đầu tư ngắn hạn	359	1.021	1.021	1.021
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	1.193	1.235	1.568	1.678
+ Hàng tồn kho	68	83	82	93
+ Tài sản ngắn hạn khác	288	372	375	402
Tổng tài sản ngắn hạn	3.380	6.676	8.655	9.566
+ Các khoản phải thu dài hạn	40	45	51	55
+ GTCL Tài sản cố định	4.166	4.033	4.068	6.521
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	1.759	1.717	1.717	1.717
+ Đầu tư dài hạn	3.125	3.841	3.841	3.841
+ Tài sản dài hạn khác	1.076	1.674	1.222	1.349
Tổng tài sản dài hạn	10.166	11.310	10.899	13.482
Tổng tài sản	13.546	17.986	19.554	23.049
+ Nợ ngắn hạn	1.915	2.107	2.337	2.634
Trong đó: vay ngắn hạn	445	422	538	606
+ Nợ dài hạn	1.898	2.125	2.229	3.470
Trong đó: vay dài hạn	1.518	1.745	1.745	2.945
Tổng nợ phải trả	3.814	4.232	4.566	6.104
+ Vốn góp	3.059	4.140	4.202	4.202
+ Thặng dư vốn cổ phần	1.942	3.920	3.920	3.920
+ Lợi nhuận chưa phân phối	2.964	3.621	4.237	5.537
+ Quỹ khác	1.768	2.072	2.629	3.285
Vốn chủ sở hữu	9.732	13.753	14.988	16.945
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	13.546	17.986	19.554	23.049
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	-3	1.647	2.706	2.917
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	915	-1.495	-400	-3.000
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-808	2.337	-663	848
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	105	2.489	1.644	765
Tiền đầu kỳ	1.364	1.472	3.964	5.608
Tiền cuối kỳ	1.472	3.964	5.608	6.373
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	1,76	3,17	3,7	3,63
Hệ số thanh toán nhanh	1,58	2,95	3,51	3,44
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,96	2,37	2,84	2,81
Nợ ròng / EBITDA	0,16	-0,25	-0,91	-0,86
Khả năng thanh toán lãi vay	24,32	15,91	15,61	12,09
Ngày phải thu	53,5	44,7	48,8	52,7
Ngày phải trả	119,7	66,9	71,6	77,1
Ngày tồn kho	13,3	10,4	11	10,3
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,72	0,76	0,77	0,74
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,28	0,24	0,23	0,26
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,39	0,31	0,3	0,36
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,2	0,16	0,15	0,21
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,05	0,03	0,04	0,04

Nguồn: GMD, SSI ước tính

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	3.846	4.832	5.068	5.421
Giá vốn hàng bán	-2.068	-2.671	-2.740	-3.088
Lợi nhuận gộp	1.778	2.162	2.327	2.333
Doanh thu hoạt động tài chính	1.941	418	165	233
Chi phí tài chính	-155	-150	-170	-260
Thu nhập từ các công ty liên kết	274	816	869	1.151
Chi phí bán hàng	-110	-247	-259	-277
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-552	-569	-597	-638
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.177	2.429	2.336	2.541
Thu nhập khác	-30	-349	0	217
Lợi nhuận trước thuế	3.147	2.080	2.336	2.758
Lợi nhuận ròng	2.534	1.905	2.140	2.527
Lợi nhuận chia cho cổ đông	2.251	1.459	1.583	1.870
Lợi ích của cổ đông thiểu số	283	446	556	657
EPS cơ bản (VND)				
Giá trị sổ sách (VND)	28.050	29.919	31.091	34.185
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	2.000	2.200	2.000	1.000
EBIT	3.282	2.219	2.495	3.007
EBITDA	3.679	2.625	2.810	3.554
Tăng trưởng				
Doanh thu	-1,3%	25,7%	4,9%	7,0%
EBITDA	100,8%	-28,7%	7,1%	26,5%
EBIT	128,1%	-32,4%	12,5%	20,5%
Lợi nhuận ròng	118,2%	-24,8%	12,3%	18,1%
Vốn chủ sở hữu	22,5%	41,3%	9,0%	13,1%
Vốn điều lệ	1,5%	35,3%	1,5%	0,0%
Tổng tài sản	4,0%	32,8%	8,7%	17,9%
Định giá				
P/E	9	15,2	18,3	15,5
P/B	2,3	2,2	2	1,9
Giá/Doanh thu	5,1	4,9	5,3	4,9
Tỷ suất cổ tức	3,1%	3,4%	3,1%	1,6%
EV/EBITDA	5,9	9,2	9,6	7,6
EV/Doanh thu	5,6	5	5,3	5
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	46,2%	44,7%	45,9%	43,0%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	84,1%	51,9%	46,0%	47,2%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	65,9%	39,4%	42,2%	46,6%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	2,8%	5,1%	5,1%	5,1%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	14,4%	11,8%	11,8%	11,8%
ROE	28,7%	16,2%	14,9%	15,8%
ROA	19,1%	12,1%	11,4%	11,9%
ROIC	24,4%	14,7%	13,8%	14,6%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Chiến lược thị trường

Đào Minh Châu

Phó giám đốc Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

Phân tích Ngành Vận tải

Nguyễn Hoàng Giang

Trưởng phòng Phân tích

giangnh@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321